

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Hà Nội - Tháng 8 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	<b>1 - 2</b>
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>3</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>4 - 5</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>6</b>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>7</b>
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>8 - 23</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17 tháng 11 năm 1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29 tháng 4 năm 1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 1993. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 10 năm 2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12, vốn điều lệ của Công ty là 135 tỷ đồng.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company.

Địa chỉ Công ty: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sàn chứng khoán UPCOM. Mã cổ phiếu: T12

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bùi Trọng Dân	Chủ tịch
Vũ Trọng Tuấn	Thành viên
Đoàn Mạnh Cường	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Trần Tiến Đức	Trưởng BKS
Đặng Hoài Anh	Thành viên BKS
Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS

#### Ban Điều hành

Vũ Trọng Tuấn	Giám đốc
Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Giám đốc
Chử Đức Toàn	Phó Giám đốc

#### Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Quỳnh	Kế toán trưởng
------------------	----------------

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Networks.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành, *W*



**Vũ Trọng Tuấn**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020



Số: 730/2020/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi**Kính gửi:****Các cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành****Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi được lập ngày 16 tháng 9 năm 2020, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Networks**

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.061.016.119.502</b>	<b>165.585.095.809</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>25.977.461.697</b>	<b>20.281.107.496</b>
1. Tiền	111		21.977.461.697	20.281.107.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.6</b>	<b>11.800.000.000</b>	<b>12.800.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.800.000.000	12.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>988.743.463.007</b>	<b>108.010.203.124</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.316.465.930	23.258.232.619
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	82.899.666.266	82.218.319.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	890.527.330.811	2.533.651.305
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>32.999.737.840</b>	<b>23.881.566.417</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.538.780.665	23.882.507.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(539.042.825)	(940.984)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.495.456.958</b>	<b>612.218.772</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	193.337.040	108.790.765
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		748.836.576	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	553.283.342	503.428.007
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.014.875.938</b>	<b>133.932.623.530</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>249.227.000</b>	<b>249.227.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	59.227.000	59.227.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	90.000.000	90.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000	100.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.810.902.806</b>	<b>84.637.750.787</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	67.210.295.380	69.872.883.761
- Nguyên giá	222		130.431.964.606	129.670.191.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.221.669.226)	(59.797.308.118)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	14.600.607.426	14.764.867.026
- Nguyên giá	228		16.430.097.266	16.430.097.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.829.489.840)	(1.665.230.240)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.9</b>	<b>11.959.449.207</b>	<b>10.524.620.535</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.959.449.207	10.524.620.535
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>23.119.867.596</b>	<b>23.119.867.596</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		23.119.867.596	23.119.867.596
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.875.429.329</b>	<b>15.401.157.612</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	13.875.429.329	15.401.157.612
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.192.030.995.440</b>	<b>299.517.719.339</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

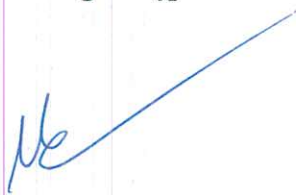
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.054.713.240.381</b>	<b>146.105.808.789</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>932.988.693.996</b>	<b>22.917.136.344</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	912.306.928.083	6.128.776.013
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.272.110.954	971.777.832
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.070.519.047	6.747.249.232
4. Phải trả người lao động	314		654.342.330	729.864.554
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.183.399	22.304.055
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	234.290.907	679.524.578
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9.976.488.198	7.631.750.143
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		448.831.078	5.889.937
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>121.724.546.385</b>	<b>123.188.672.445</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	2.892.255.907	2.952.861.967
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	118.832.290.478	120.235.810.478
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.317.755.059</b>	<b>153.411.910.550</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>137.317.755.059</b>	<b>153.411.910.550</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.538.642.748	7.538.642.748
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.579.693.959	1.092.952.818
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.800.581.648)	9.780.314.984
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.756.832.702	45.492.173
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.557.414.350)	9.734.822.811
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.192.030.995.440</b>	<b>299.517.719.339</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Người lập

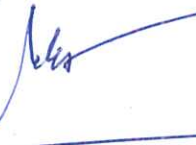
Kế toán trưởng

Giám đốc









Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/06/2020	tháng kết thúc ngày 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	1.176.586.897.836	138.772.653.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	3.626.041.818	2.440.396.359
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.172.960.856.018	136.332.257.353
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.162.659.943.355	116.800.195.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		10.300.912.663	19.532.061.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	950.713.739	2.509.080.160
7. Chi phí tài chính	22		-	212.751.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	212.751.862
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	14.033.952.174	12.595.707.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	8.984.254.106	9.846.742.494
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(11.766.579.878)	(614.059.746)
11. Thu nhập khác	31	5.21	499.803.537	1.125.000.565
12. Chi phí khác	32	5.22	251.728.341	228.154.439
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		248.075.196	896.846.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(11.518.504.682)	282.786.380
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	38.909.668	40.230.888
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(11.557.414.350)	242.555.492
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	(856,10)	17,97

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THỊ**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.518.504.682)	282.786.380
2. Điều chỉnh cho các khoản			3.176.008.810	1.958.583.445
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.588.620.708	3.586.769.535
Các khoản dự phòng	03		538.101.841	864.578.572
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(950.713.739)	(2.705.516.524)
Chi phí lãi vay	06		-	212.751.862
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.342.495.872)	2.241.369.825
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(881.531.951.794)	(630.441.095)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.656.273.264)	(2.242.055.390)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		906.976.433.902	10.522.243.237
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.441.182.008	1.765.465.635
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(212.751.862)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.723.559.482)	(642.388.330)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.850.000)	(38.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.115.485.498	10.762.492.020
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.133.965.036)	(291.414.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	196.436.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.800.000.000)	(13.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.800.000.000	13.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		524.833.739	2.275.608.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(609.131.297)	1.680.630.682
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.340.751.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(6.437.553.845)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(810.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(810.000.000)	(96.802.366)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.696.354.201	12.346.320.336
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.281.107.496	16.959.395.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	25.977.461.697	29.305.716.137
(70 = 50+60+61)				

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn





# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẤU B 09a - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17 tháng 11 năm 1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29 tháng 4 năm 1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 1993. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 10 năm 2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12, vốn điều lệ của Công ty là 135 tỷ đồng.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company.

Địa chỉ Công ty: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sàn chứng khoán UPCOM. Mã cổ phiếu: T12

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các hàng hóa tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện phục vụ mọi nhu cầu của thị trường;
- Làm đại lý cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước;
- Tổ chức sản xuất, gia công, dịch vụ sửa chữa các đồ dùng điện tử, điện lạnh, phương tiện, đồ điện;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh khách sạn, cho thuê văn phòng đại diện và các dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để mở rộng các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, sản xuất, dịch vụ của Doanh nghiệp;
- Xuất khẩu: hàng thủ công mỹ nghệ (sành sứ, mây tre đan, đồ gỗ), hàng may mặc, hàng công nghiệp nhẹ, hàng nông sản, thủy sản, các loại hóa chất Công nghiệp, hóa chất thực phẩm, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghiệp, rượu sản xuất trong nước;
- Nhập khẩu: vật tư, nguyên liệu, hóa chất và thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng (xe đạp, xe máy, phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe máy), hàng điện tử, dân dụng, hàng điện lạnh, vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, hàng thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, khoáng sản;
- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, gas, khí đốt; Vận chuyển khách phục vụ thăm quan, du lịch;
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đại lý thu đổi ngoại tệ; In lưới thủ công, may, thêu; Kinh doanh hoạt động luyện tập thể dục thẩm mỹ (câu lạc bộ); Trồng giữ ô tô, xe máy, xe đạp./.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty: Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, tư liệu sản xuất, hóa chất thiết bị. Cho thuê và phát triển dự án bất động sản.

#### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

1. Trung tâm Thương mại Dịch vụ 10B Tràng Thi;
2. Trung tâm Kinh doanh Bán buôn;
3. Trung tâm Kinh doanh Cát Linh;
4. Trung tâm Kinh doanh Tràng Thi;
5. Trung tâm Kinh doanh 24 Thuốc Bắc;



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

6. Trung tâm Kinh doanh Đông Anh;
7. Xí nghiệp Sửa chữa Cơ - Điện - Lạnh;
8. Trung tâm Kinh doanh Thanh Trì.

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Kế toán máy.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.  
Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

##### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất đầu tư vào liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty không có khoản đầu tư tài chính phải trích lập dự phòng.

##### *Nguyên tắc kế toán nợ phải thu*

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### *Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### *Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình*

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### a. Nguyên tắc kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

##### Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2020
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

#### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng khoản mục chi phí.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

#### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

##### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

##### Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

##### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

##### Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ (gọi là doanh thu nhận trước); Các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện.

##### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	590.173.660	164.346.785
Tiền gửi ngân hàng	20.309.182.037	19.787.765.711
Tiền đang chuyển	1.078.106.000	328.995.000
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>25.977.461.697</b>	<b>20.281.107.496</b>

##### 5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.316.465.930</b>	<b>23.258.232.619</b>
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	3.810.290.360	-
Công ty Cổ phần đầu tư và du lịch Thiên Sơn	-	6.008.448.000
Công ty CPTM Nguyễn Kim	-	6.873.021.346
TTKD Kho vận hậu mãi Nguyễn Kim Hà Nội	5.436.254.622	4.651.170.558
Đối tượng khác	6.069.920.948	5.725.592.715
<b>Dài hạn</b>	<b>59.227.000</b>	<b>59.227.000</b>
Đối tượng khác	59.227.000	59.227.000
<b>Tổng</b>	<b>15.375.692.930</b>	<b>23.317.459.619</b>

##### 5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>82.899.666.266</b>	<b>82.218.319.200</b>
Công ty CP Điện Cơ Thống Nhất	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim	66.800.000.000	66.800.000.000
Đối tượng khác	1.099.666.266	418.319.200
<b>Dài hạn</b>	<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
Công ty Tư vấn Thiết kế kiến trúc xây dựng	90.000.000	90.000.000
<b>Tổng</b>	<b>82.989.666.266</b>	<b>82.308.319.200</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẢNG THI**Địa chỉ: Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.4 Các khoản phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	890.527.330.811	-	2.533.651.305	-
Tạm ứng	2.570.568.894	-	1.054.108.294	-
Hoàng Trung Phụng (i)	210.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Hồng Dũng (i)	273.662.000.000	-	-	-
Trần Nam Trung (i)	285.000.000.000	-	-	-
Trần Quang Huy (i)	117.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	2.294.761.917	-	1.479.543.011	-
<i>Dài hạn</i>	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>890.627.330.811</b>	<b>-</b>	<b>2.633.651.305</b>	<b>-</b>

(i) Các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh được Hội đồng Quản trị phê duyệt căn cứ tờ trình của Ban Điều hành giữa Công ty và các cá nhân, thời hạn hợp tác 06 tháng. Lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của các bên hoặc tỷ lệ cam kết theo kết quả thực tế.

**5.5 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	8.143.288	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.715.040	-	41.890.000	-
Hàng hóa	33.444.656.534	539.042.825	23.809.065.022	940.984
Hàng gửi bán	23.409.091	-	23.409.091	-
<b>Tổng</b>	<b>33.538.780.665</b>	<b>539.042.825</b>	<b>23.882.507.401</b>	<b>940.984</b>

**5.6 Đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	11.800.000.000	11.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	11.800.000.000	11.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	11.800.000.000	11.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.6 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	23.119.867.596	(*)	-	23.119.867.596	(*)	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	6.457.320.775		-	6.457.320.775		-
Công ty CP Đầu tư TM Dịch vụ Xuân Thủy	16.662.546.821		-	16.662.546.821		-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	108.456.208.467	20.313.007.672	900.975.740	129.670.191.879
Mua trong kỳ	629.545.454	132.227.273	-	761.772.727
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>109.085.753.921</b>	<b>20.445.234.945</b>	<b>900.975.740</b>	<b>130.431.964.606</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	44.304.170.245	14.655.465.551	837.672.322	59.797.308.118
Khấu hao trong kỳ	2.670.610.678	718.004.890	35.745.540	3.424.361.108
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46.974.780.923</b>	<b>15.373.470.441</b>	<b>873.417.862</b>	<b>63.221.669.226</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	64.152.038.222	5.657.542.121	63.303.418	69.872.883.761
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.110.972.998</b>	<b>5.071.764.504</b>	<b>27.557.878</b>	<b>67.210.295.380</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	16.430.097.266	16.430.097.266
Số dư cuối kỳ	16.430.097.266	16.430.097.266
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.665.230.240	1.665.230.240
Khấu hao trong kỳ	164.259.600	164.259.600
Số dư cuối kỳ	1.829.489.840	1.829.489.840
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	14.764.867.026	14.764.867.026
Số dư cuối kỳ	14.600.607.426	14.600.607.426

**5.9 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	11.959.449.207	10.524.620.535
Dự án 47 Cát Linh	11.959.449.207	10.524.620.535
<b>Tổng</b>	<b>11.959.449.207</b>	<b>10.524.620.535</b>

**5.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	193.337.040	108.790.765
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	193.337.040	108.790.765
<i>Dài hạn</i>	13.875.429.329	15.401.157.612
Giá trị lợi thế kinh doanh theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa	13.264.651.800	14.508.212.904
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	610.777.529	892.944.708
<b>Tổng</b>	<b>14.068.766.369</b>	<b>15.509.948.377</b>

**5.11 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>	912.306.928.083	912.306.928.083	6.128.776.013	6.128.776.013
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Long	192.400.531.000	192.400.531.000	-	-
Công ty cổ phần Thăng Hoa	696.922.566.054	696.922.566.054	-	-
TTMS NK Tràng Thi	6.252.288.735	6.252.288.735	2.028.196.324	2.028.196.324
TTKD Kho vận hậu mãi Nguyễn Kim Hà Nội	11.169.591.977	11.169.591.977	955.000	955.000
Đối tượng khác	5.561.950.317	5.561.950.317	4.099.624.689	4.099.624.689
<b>Tổng</b>	<b>912.306.928.083</b>	<b>912.306.928.083</b>	<b>6.128.776.013</b>	<b>6.128.776.013</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020		30/06/2020
		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	
<b>Phải nộp</b>	<b>6.747.249.232</b>	<b>8.595.318.274</b>	<b>9.272.048.459</b>	<b>6.070.519.047</b>
Thuế GTGT	1.826.617.140	635.342.589	2.410.130.848	51.828.881
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	71.825.083	71.825.083	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	143.650.166	143.650.166	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.704.749.814	38.909.668	1.723.559.482	20.100.000
Thuế Thu nhập cá nhân	151.182.368	206.380.018	357.562.386	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.064.699.910	7.451.642.409	4.517.752.153	5.998.590.166
Thuế khác	-	47.568.341	47.568.341	-
<b>Phải thu</b>	<b>503.428.007</b>	-	<b>49.855.335</b>	<b>553.283.342</b>
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	47.855.335	47.855.335
Thuế khác	503.428.007	-	2.000.000	505.428.007

**5.13 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>234.290.907</i>	<i>679.524.578</i>
Doanh thu cho thuê chưa thực hiện	234.290.907	679.524.578
<i>Dài hạn</i>	<i>2.892.255.907</i>	<i>2.952.861.967</i>
Doanh thu cho thuê chưa thực hiện	2.892.255.907	2.952.861.967
<b>Tổng</b>	<b>3.126.546.814</b>	<b>3.632.386.545</b>

**5.14 Phải trả khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>9.976.488.198</i>	<i>7.631.750.143</i>
Bảo hiểm xã hội	(1.831.275)	(2.401.475)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.978.319.473	7.634.151.618
<i>Dài hạn</i>	<i>118.832.290.478</i>	<i>120.235.810.478</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.121.370.000	7.524.890.000
Vốn góp hợp tác kinh doanh của Công ty CP Nguyễn Kim tại Trung tâm 10B	112.710.920.478	112.710.920.478
<b>Tổng</b>	<b>128.808.778.676</b>	<b>127.867.560.621</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2019	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	5.301.182.177	148.932.777.743
Tăng trong kỳ	-	-	-	9.734.822.811	9.734.822.811
Lãi trong kỳ	-	-	-	9.734.822.811	9.734.822.811
Giảm trong kỳ	-	-	-	5.255.690.004	5.255.690.004
Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	1.205.690.004	1.205.690.004
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	4.050.000.000	4.050.000.000
Tại ngày 31/12/2019	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	9.780.314.984	153.411.910.550
Tăng trong kỳ	-	-	486.741.141	-	486.741.141
Tăng trong kỳ	-	-	486.741.141	-	486.741.141
Giảm trong kỳ	-	-	-	16.580.896.632	16.580.896.632
Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	486.741.141	486.741.141
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	486.741.141	486.741.141
Lỗ trong kỳ	-	-	-	11.557.414.350	11.557.414.350
Chia cổ tức năm 2019 (i)	-	-	-	4.050.000.000	4.050.000.000
Tại ngày 30/06/2020	135.000.000.000	7.538.642.748	1.579.693.959	(6.800.581.648)	137.317.755.059

(i) Chia Cổ tức năm 2019: tỷ lệ 3% Vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 6 năm 2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a- DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	135.000.000.000	135.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>5.023.482.282</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.579.693.959	1.092.952.818

**5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.176.586.897.836	138.772.653.712
<b>Tổng</b>	<b>1.176.586.897.836</b>	<b>138.772.653.712</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a- DN

**5.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Giảm giá hàng bán	39.454.545	-
Hàng bán bị trả lại	3.586.587.273	2.440.396.359
<b>Tổng</b>	<b>3.626.041.818</b>	<b>2.440.396.359</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.162.659.943.355	116.800.195.869
<b>Tổng</b>	<b>1.162.659.943.355</b>	<b>116.800.195.869</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	524.833.739	867.480.160
Cổ tức, lợi nhuận được chia	425.880.000	1.641.600.000
<b>Tổng</b>	<b>950.713.739</b>	<b>2.509.080.160</b>

**5.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>8.984.254.106</i>	<i>9.846.742.494</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.980.118.262	5.954.565.367
Chi phí vật liệu quản lý	80.758.087	139.749.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.101.901	334.854.422
Chi phí thuê đất, nhà	1.228.158.863	407.693.067
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.243.561.104	1.243.561.104
Chi phí khác bằng tiền	1.236.555.889	1.766.319.496
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>14.033.952.174</i>	<i>12.595.707.034</i>
Chi phí nhân viên	3.361.663.317	3.575.721.264
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	272.640.533	537.946.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.147.746.080	1.812.018.720
Chi phí thuê đất, nhà	4.532.548.712	3.899.963.531
Chi phí khác bằng tiền	3.719.353.532	2.770.057.389
<b>Tổng</b>	<b>23.018.206.280</b>	<b>22.442.449.528</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a- DN

**5.21 Thu nhập khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Các khoản khác	499.803.537	1.125.000.565
<b>Tổng</b>	<b>499.803.537</b>	<b>1.125.000.565</b>

**5.22 Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Các khoản khác	251.728.341	228.154.439
<b>Tổng</b>	<b>251.728.341</b>	<b>228.154.439</b>

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu	38.909.668	40.230.888
<b>Tổng</b>	<b>38.909.668</b>	<b>40.230.888</b>

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.557.414.350)	242.555.492
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	(11.557.414.350)	242.555.492
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(856,10)	17,97

**5.25 Công cụ tài chính**

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 128 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: Ban Điều hành Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 do Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán công cụ tài chính chưa được ban hành

**5.26 Báo cáo bộ phận**

Công ty có duy nhất một hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do đó Ban Điều hành Công ty nhận thấy không cần thiết phải trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn các điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THI**

Địa chỉ: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a- DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô

Công ty liên kết

Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy

Công ty liên kết

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan*

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	425.880.000	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	-	1.641.600.000
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành</b>		
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Hội đồng quản trị: thù lao và thu nhập khác	142.522.222	315.278.500
Ban kiểm soát: thù lao và thu nhập khác	64.160.000	167.245.000
Ban Điều hành: lương và thu nhập khác	1.266.326.912	981.825.000
<b>Tổng</b>	<b>1.473.009.134</b>	<b>1.464.348.500</b>

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán*

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>2.067.480.000</b>	<b>1.641.600.000</b>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	425.880.000	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	1.641.600.000	1.641.600.000

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Networks.

Người lập



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Giám đốc




Vũ Trọng Tuấn